

BẢNG ĐĂNG KÝ MỨC GIÁ BÁN CỤ THỂ

(kèm theo công văn số ngày)

Tổ chức, cá nhân là đơn vị (sản xuất hay dịch vụ) dịch vụ:

Đăng ký giá (nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ): bán lẻ cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá đăng ký hiện hành	Mức giá đăng ký mới	Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ % tăng/ giảm	Ngày Hiệu Lực Giá mới
1	S.BOT DIELAC ALPHA 123 900GR*1LON	900gr	Hộp thiếc	212,390	175,900	(36,490)	-17%	6/26/2014
2	S.BOT DIELAC ALPHA BUOC 2 900G	900gr	Hộp thiếc	235,090	198,100	(36,990)	-16%	6/26/2014
3	S.BOT DIELAC ALPHA 123 400GR*1LON	400gr	Hộp thiếc	104,890	102,000	(2,890)	-3%	7/10/2014
4	SUA BOT DIELAC PEDIA 1+ HT 900GR	900gr	Hộp thiếc	371,190	292,000	(79,190)	-21%	7/10/2014
5	S.BOT DIELAC ALPHA BUOC 1 - 900G	900gr	Hộp thiếc	239,790	189,100	(50,690)	-21%	6/26/2014
6	S.BOT FRISOLAC GOLD 1 400GR*1LON	400gr	Hộp thiếc	252,230	220,000	(32,230)	-13%	7/10/2014
7	S.BOT FRISOLAC GOLD 2 900GR*1LON	900gr	Hộp thiếc	516,010	448,000	(68,010)	-13%	7/10/2014
8	S.BOT FRISOLAC GOLD 2 900GR*1LON	900gr	Hộp thiếc	508,200	441,000	(67,200)	-13%	7/10/2014
9	S.BOT FRISO GOLD 3 900GR*1LON	900gr	Hộp thiếc	453,750	405,000	(48,750)	-11%	7/10/2014
10	SUA HOPT FRISO GOLD 3 HT 1.5KG	1500gr	Hộp thiếc	700,150	610,000	(90,150)	-13%	7/10/2014
11	CTDD NEST NAN GRO 3-900GR	900gr	Hộp thiếc	430,290	338,000	(92,290)	-21%	6/26/2014
12	S.BOT NEST NAN PRO2 800G*1LON	800gr	Hộp thiếc	412,490	333,000	(79,490)	-19%	6/26/2014
13	S.BOT NESTLE NAN PRO 1 800G	800gr	Hộp thiếc	416,190	326,000	(90,190)	-22%	6/26/2014
14	TPDD LACTOGEN GOLD 3 900G*1LON	900gr	Hộp thiếc	313,590	229,000	(84,590)	-27%	6/26/2014
15	S.BOT NEST NAN PRO2 400GR*1LON	400gr	Hộp thiếc	211,530	185,000	(26,530)	-13%	6/26/2014
16	TPDD ENFAGROW A+3 1.8KG	1800gr	Hộp thiếc	843,490	647,450	(196,040)	-23%	6/26/2014
17	TPDD ENFAGROW A+3 900G	900gr	Hộp thiếc	462,290	355,350	(106,940)	-23%	6/26/2014
18	TPDD ENFAMIL A+2 900G	900gr	Hộp thiếc	512,990	417,450	(95,540)	-19%	6/26/2014
19	TPDD ENFAMIL A+1 900G	900gr	Hộp thiếc	538,990	438,150	(100,840)	-19%	6/26/2014
20	TPDD ENFAMIL A+1 400G	400gr	Hộp thiếc	264,590	215,050	(49,540)	-19%	6/26/2014
21	TPDD ABBOTT GROW 3 900G	900gr	Hộp thiếc	308,550	271,000	(37,550)	-12%	7/10/2014
22	TPDD GROW G-POWDER VANI 900G*1LON	900gr	Hộp thiếc	444,400	378,000	(66,400)	-15%	7/10/2014
23	TPBS ABB SIMILAC GAINPLUS IQ 900G	900gr	Hộp thiếc	498,190	422,000	(76,190)	-15%	6/26/2014
24	TPBS ABB SIMILAC GAINPLUS IQ 1.7K	1700gr	Hộp thiếc	849,290	720,900	(128,390)	-15%	6/26/2014
25	TPDD GROW G-POWDER VANI 1.7KG	1700gr	Hộp thiếc	740,300	641,000	(99,300)	-13%	7/10/2014
26	TPDD NESTLE NAN KID 4-900G	900gr	Hộp thiếc	408,210	340,500	(67,710)	-17%	6/26/2014
27	S.BOT LACTOGEN 3 COMP. 900G*1LON	900gr	Hộp thiếc	194,260	162,500	(31,760)	-16%	7/2/2014
28	S.BOT LACTOGEN GOLD 1 400G*1LON	400gr	Hộp thiếc	171,290	143,000	(28,290)	-17%	7/2/2014
29	S.BOT LACTOGEN GOLD 2 900G*1LON	900gr	Hộp thiếc	314,090	264,600	(49,490)	-16%	7/2/2014
30	S.BOT NESTLE NAN PRO 1 400G*1LON	400gr	Hộp thiếc	235,690	190,800	(44,890)	-19%	7/2/2014
31	SB NEST LACTOGEN2 TIEP THEO 900G	900gr	Hộp thiếc	198,880	166,500	(32,380)	-16%	7/2/2014
32	SB NEST LACTOGEN1 KHOI DAU 400G	400gr	Hộp thiếc	104,720	87,500	(17,220)	-16%	7/2/2014
33	TPDD ENFAGROW A+4 650G	650gr	Hộp giấy	261,390	226,100	(35,290)	-14%	7/2/2014
34	TPDD ENFAGROW A+3 650G	650gr	Hộp giấy	306,690	265,200	(41,490)	-14%	7/2/2014
35	TPDD ENFAGROW A+4 900G	900gr	Hộp thiếc	392,090	339,100	(52,990)	-14%	7/2/2014
36	TPDD ENFAGROW A+4 400G	400gr	Hộp thiếc	193,390	167,300	(26,090)	-13%	7/2/2014
37	TPDD ENFAGROW A+3 400G	400gr	Hộp thiếc	227,890	197,100	(30,790)	-14%	7/2/2014
38	TPDD ENFAMIL A+2 400G	400gr	Hộp thiếc	253,790	219,700	(34,090)	-13%	7/2/2014
39	TPDD ENFALAC A+ GENTLE CARE 352G	352gr	Hộp thiếc	272,514	249,500	(23,014)	-8%	7/2/2014
40	TPBS ABB SIMILAC GAIN IQ 900G	900gr	Hộp thiếc	549,190	530,000	(19,190)	-3%	7/2/2014
41	TPBS ABB SIMILAC NEWBORN IQ 900G	900gr	Hộp thiếc	559,390	540,000	(19,390)	-3%	7/2/2014
42	TPBS ABB SIMILAC GAINPLUS IQ 400G	400gr	Hộp thiếc	238,790	209,000	(29,790)	-12%	7/2/2014
43	TPBS ABB SIMILAC GAIN IQ 400G	400gr	Hộp thiếc	263,290	254,000	(9,290)	-4%	7/2/2014
44	TPBS ABB SIMILAC NEWBORN IQ 400G	400gr	Hộp thiếc	268,490	259,000	(9,490)	-4%	7/2/2014
45	TPDD GROW G-POWDER VANI 400G*1LON	400gr	Hộp thiếc	212,630	187,000	(25,630)	-12%	7/2/2014
46	TPDD GAIN TOTAL COMFORT 360G	360gr	Hộp thiếc	285,780	273,000	(12,780)	-4%	7/2/2014
47	TPDD SIMILAC TOTAL COMFORT 1 360G	360gr	Hộp thiếc	290,950	277,000	(13,950)	-5%	7/2/2014
48	TPDD ABBOTT GROW 3 400G	400gr	Hộp thiếc	148,060	133,000	(15,060)	-10%	7/2/2014
49	TPDD ABBOTT GROW 2 900G	900gr	Hộp thiếc	321,860	308,000	(13,860)	-4%	7/2/2014
50	TPDD ABBOTT GROW 2 400G	400gr	Hộp thiếc	159,940	152,000	(7,940)	-5%	7/2/2014
51	TPDD ABBOTT GROW 1 900G	900gr	Hộp thiếc	343,200	323,000	(20,200)	-6%	7/2/2014
52	TPDD ABBOTT GROW 1 400G	400gr	Hộp thiếc	163,020	155,000	(8,020)	-5%	7/2/2014
53	S.BOT SIMILAC ISOMIL IQ3 400G*1LON	400gr	Hộp thiếc	272,800	263,000	(9,800)	-4%	7/2/2014
54	S.BOT SIMILAC ISOMIL IQ1 400G*1LON	400gr	Hộp thiếc	302,500	291,000	(11,500)	-4%	7/2/2014
55	S.BOT ABB SIMILAC NEOSURE HT 900G	900gr	Hộp thiếc	580,800	561,000	(19,800)	-3%	7/2/2014
56	S.B ABB SIMILAC NEOSURE HT 370G	370gr	Hộp thiếc	258,720	249,000	(9,720)	-4%	7/2/2014
57	SPDD ENFAMIL A+1 360 400G	400gr	Hộp thiếc	281,790	259,400	(22,390)	-8%	7/2/2014

Phụ lục 3: BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIÁ

(Kèm theo công văn số 6544/QLG-BTC ngày 20/5/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG ĐĂNG KÝ MỨC GIÁ BÁN CỤ THỂ

(kèm theo công văn số ngày)

Tổ chức, cá nhân là đơn vị (sản xuất hay dịch vụ) dịch vụ:
 Đăng ký giá (nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ): bán lẻ cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá đăng ký hiện hành	Mức giá đăng ký mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm	Ngày Hiệu Lực Giá mới
58	SPDD ENFAMIL A+1 360 900G	900gr	Hộp thiếc	584,490	538,100	(46,390)	-8%	7/2/2014
59	SPDD ENFAMIL A+2 360 400G	400gr	Hộp thiếc	270,190	248,700	(21,490)	-8%	7/2/2014
60	SPDD ENFAMIL A+2 360 900G	900gr	Hộp thiếc	556,290	512,100	(44,190)	-8%	7/2/2014
61	SPDD ENFAGROW A+3 VANI360 400G	400gr	Hộp thiếc	242,590	223,300	(19,290)	-8%	7/2/2014
62	SPDD ENFAGROW A+3 VANI360 650G	650gr	Hộp giấy	326,490	300,600	(25,890)	-8%	7/2/2014
63	SPDD ENFAGROW A+3 VANI360 900G	900gr	Hộp thiếc	492,090	453,100	(38,990)	-8%	7/2/2014
64	SPDD ENFAGROW A+3 VANI360 1.8KG	1800gr	Hộp thiếc	897,890	804,300	(93,590)	-10%	7/2/2014
65	SPDD ENFAGROW A+4 VANI360 400G	400gr	Hộp thiếc	205,790	189,500	(16,290)	-8%	7/2/2014
66	SPDD ENFAGROW A+4 VANI360 650G	650gr	Hộp giấy	278,190	256,100	(22,090)	-8%	7/2/2014
67	SPDD ENFAGROW A+4 VANI360 900G	900gr	Hộp thiếc	417,390	384,300	(33,090)	-8%	7/2/2014
68	SPDD ENFAGROW A+4 VANI360 1.8KG	1800gr	Hộp thiếc	761,090	700,700	(60,390)	-8%	7/2/2014
69	SPDD ENFAMIL A+ LACTOFREE 400G	400gr	Hộp thiếc	265,090	243,900	(21,190)	-8%	7/2/2014
70	SPDD ENFAMIL A+ GENTLE CARE 400G	400gr	Hộp thiếc	310,390	285,500	(24,890)	-8%	7/2/2014
71	S.BOT DIELAC ALPHA BUOC 1 400G	400gr	Hộp thiếc	119,090	118,500	(590)	0%	7/4/2014
72	S.BOT DIELAC ALPHA BUOC 2 400G	400gr	Hộp thiếc	116,690	115,500	(1,190)	-1%	7/4/2014
73	TPBS OPTIMUM BUOC 4 400G*1HT	400gr	Hộp thiếc	168,090	162,300	(5,790)	-3%	7/4/2014
74	SUA BOT DIELAC PEDIA 1+ HT 400GR	400gr	Hộp thiếc	174,290	171,200	(3,090)	-2%	7/4/2014
75	SUA BOT DIELAC PEDIA 3+ HT 400GR	400gr	Hộp thiếc	174,290	171,200	(3,090)	-2%	7/4/2014
76	S.BOT DIELAC ALPHA BUOC 2 400G*2	400gr	2 Hộp giấy	201,290	195,200	(6,090)	-3%	7/4/2014
77	S.BOT DIELAC ALPHA 123 400G*2HOP	400gr	2 Hộp giấy	180,990	152,400	(28,590)	-16%	7/4/2014
78	S.BOT DIELAC ALPHA 456 400G*2HOP	400gr	2 Hộp giấy	176,690	171,400	(5,290)	-3%	7/4/2014
79	S.BOT DIELAC ALPHA 456 900GR*1LON	900gr	Hộp thiếc	204,690	201,200	(3,490)	-2%	7/4/2014
80	SUA BOT OPTIMUM BUOC 2 900G*1HT	900gr	Hộp thiếc	383,990	371,600	(12,390)	-3%	7/4/2014
81	TPDD OPTIMUM BUOC 3 900G*1HT	900gr	Hộp thiếc	372,390	360,700	(11,690)	-3%	7/4/2014
82	TPBS OPTIMUM BUOC 4 900G*1HT	900gr	Hộp thiếc	336,590	326,700	(9,890)	-3%	7/4/2014
83	SUA BOT DIELAC PEDIA 3+ HT 900GR	900gr	Hộp thiếc	371,190	361,500	(9,690)	-3%	7/4/2014
84	TPBS DIELAC STAR CARE VNM 900G	900gr	Hộp thiếc	198,890	195,100	(3,790)	-2%	7/4/2014
85	BOT SUA RI-ALPHA BO&RAU CU 350G	350gr	Hộp thiếc	79,190	76,700	(2,490)	-3%	7/4/2014
86	BOT SUA RI-ALPHA HEO&BOXOI 350G*1	350gr	Hộp thiếc	79,290	76,700	(2,590)	-3%	7/4/2014
87	BOT SUA RI-ALPHA HEO&CAROT 350G*1	350gr	Hộp thiếc	79,290	76,700	(2,590)	-3%	7/4/2014
88	BOT GAO SUA RI-ALPHA 350G*1LON	350gr	Hộp thiếc	62,790	59,700	(3,090)	-5%	7/4/2014
89	BOT SUA RI-ALPHA BO&RAUCU 200G*2	200gr	2 Hộp giấy	105,732	97,600	(8,132)	-8%	7/4/2014
90	BOT SUA RI-ALPHA HEO&BOXOI 200G*2	200gr	2 Hộp giấy	105,732	97,600	(8,132)	-8%	7/4/2014
91	BOT SUA RI-ALPHA HEO&CAROT 200G*2	200gr	2 Hộp giấy	105,732	97,600	(8,132)	-8%	7/4/2014
92	BOT SUA RI-ALPHA GA&RAUCU 200G*2	200gr	2 Hộp giấy	105,732	97,600	(8,132)	-8%	7/4/2014
93	BOT GAO SUA RI-ALPHA 200G*2HOP	200gr	2 Hộp giấy	86,526	79,700	(6,826)	-8%	7/4/2014
94	BOT GAO TRAI CAY RI ALPHA 200G*2	200gr	2 Hộp giấy	105,732	92,600	(13,132)	-12%	7/4/2014
95	SUA BOT OPTIMUM BUOC 1 400G*1HT	400gr	Hộp thiếc	170,610	170,610	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
96	SUA BOT OPTIMUM BUOC 1 900G*1HT	900gr	Hộp thiếc	354,200	354,200	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
97	SUA BOT OPTIMUM BUOC 2 400G*1HT	400gr	Hộp thiếc	168,630	168,630	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
98	S.BOT ENFALAC LACTOFREE400GR*1LON	400gr	Hộp thiếc	193,600	193,600	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
99	TPDD LACTOGEN GOLD 4 900G*1LON	900gr	Hộp thiếc	292,690	245,600	(47,090)	-16%	6/26/2014
100	TPBS ABBOTT GROW 4 400G	400gr	Hộp thiếc	145,990	145,990	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
101	TPBS ABBOTT GROW 4 900G	900gr	Hộp thiếc	305,190	305,190	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
102	TPBS ABBOTT GROW 4 1.7K	1700gr	Hộp thiếc	529,790	529,790	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
103	TPDD PLUS TOTAL COMFORT 360G	360gr	Hộp thiếc	265,111	253,000	(12,111)	-5%	6/26/2014
104	S.BOT CGHL D.BABY GOLD B1 900G	900gr	Hộp thiếc	305,250	295,000	(10,250)	-3%	7/10/2014
105	S.BOT CGHL D.BABY GOLD B2 900G	900gr	Hộp thiếc	298,870	295,000	(3,870)	-1%	7/10/2014
106	S.BOT CGHL D.BABY GOLD B1 400G	400gr	Hộp thiếc	148,490	148,490	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá

BẢNG ĐĂNG KÝ MỨC GIÁ BÁN CỤ THỂ

(kèm theo công văn số ngày)

Tổ chức, cá nhân là đơn vị (sản xuất hay dịch vụ) dịch vụ:

Đăng ký giá (nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ): bán lẻ cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá đăng ký hiện hành	Mức giá đăng ký mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm	Ngày Hiệu Lực Giá mới
107	S.BOT CGHL D.BABY GOLD B2 400G	400gr	Hộp thiếc	146,990	146,990	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
108	S.BOT CGHL GOLD 123 HT 900G	900gr	Hộp thiếc	275,770	255,000	(20,770)	-8%	7/10/2014
109	S.BOT CGHL GOLD 123 HT 1.5KG	1500gr	Hộp thiếc	416,900	386,000	(30,900)	-7%	7/10/2014
110	S.BOT CGHL GOLD 456 1500G	1500gr	Hộp thiếc	384,780	384,780	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
111	S.BOT CGHL GOLD 456 HT 900G	900gr	Hộp thiếc	257,400	239,000	(18,400)	-7%	7/10/2014
112	S.BOT FRISO GOLD 3 400GR*1LON	400gr	Hộp thiếc	224,950	214,000	(10,950)	-5%	7/10/2014
113	S.BOT FRISO GOLD 4 900GR*1LON	900gr	Hộp thiếc	396,990	379,000	(17,990)	-5%	7/10/2014
114	S.BOT FRISOLAC GOLD 2 400GR*1LON	400gr	Hộp thiếc	248,490	233,000	(15,490)	-6%	7/10/2014
115	S.BOT CGHL GOLD 123 VANI 2KG HG	2000gr	Hộp giấy	533,940	493,000	(40,940)	-8%	7/10/2014
116	SUA HOPT FRISO 3 HT 1.5KG	1500gr	Hộp thiếc	412,500	412,500	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
117	S.BOT FRISO 3 900GR*1LON	900gr	Hộp thiếc	286,440	282,000	(4,440)	-2%	7/10/2014
118	S.BOT FRISO 4 900GR*1LON	900gr	Hộp thiếc	253,322	253,322	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
119	S.BOT FRISOLAC 1 900GR*1LON	900gr	Hộp thiếc	309,430	309,430	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
120	S.BOT FRISO GOLD 4 1.5KG*1LON	1500gr	Hộp thiếc	602,470	602,470	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
121	TPBS CGHL MAU LON 0-6T 400G*1HG	400gr	Hộp giấy	104,090	99,000	(5,090)	-5%	7/10/2014
122	TPBS CGHL MAU LON 0-6T900G*1LON	900gr	Hộp thiếc	259,190	246,000	(13,190)	-5%	7/10/2014
123	TPBS CGHL KHAM PHA (2-4T)400G*1HG	400gr	Hộp giấy	86,790	82,000	(4,790)	-6%	7/10/2014
124	TPBS CGHL KHAM PHA 2-4T 900G*1LON	900gr	Hộp thiếc	216,390	205,000	(11,390)	-5%	7/10/2014
125	TPBS CGHL KHAM PHA 2-4T 1.5KG*1LON	1500gr	Hộp thiếc	334,090	318,000	(16,090)	-5%	7/10/2014
126	TPBS CGHL TO MO 1-2T 400G*1HG	400gr	Hộp giấy	88,790	84,000	(4,790)	-5%	7/10/2014
127	TPBS CGHL TO MO 1-2T 900G*1LON	900gr	Hộp thiếc	222,490	211,000	(11,490)	-5%	7/10/2014
128	TPBS CGHL SANG TAO 4-6T 400G*1HG	400gr	Hộp giấy	84,690	80,000	(4,690)	-6%	7/10/2014
129	TPBS CGHL SANG TAO 4-6T 900G*1LON	900gr	Hộp thiếc	212,290	201,000	(11,290)	-5%	7/10/2014
130	TPBS FRISO GOLD PEDIA 400G*1	400gr	Hộp thiếc	270,919	251,000	(19,919)	-7%	7/10/2014
131	TPBS FRISO GOLD PEDIA 900G*1	900gr	Hộp thiếc	564,839	524,000	(40,839)	-7%	7/10/2014
132	TPBS CGHL HOAN THIEN 400G*1CN	400gr	Hộp thiếc	125,070	125,070	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
133	TPBS CGHL HOAN THIEN 900G*1CN	900gr	Hộp thiếc	250,140	250,140	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
134	TPBS CGHL TAP D16-12T 400G*1HG	400gr	Hộp giấy	101,090	96,000	(5,090)	-5%	7/10/2014
135	TPBS CGHL TAP D1 6-12T 900G*1LON	900gr	Hộp thiếc	253,090	240,000	(13,090)	-5%	7/10/2014
136	S.BOT FRISO 2 900GR*1LON	400gr	Hộp thiếc	298,760	298,760	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
137	S.BOT NUVITA 900GR*1LON	900gr	Hộp thiếc	219,190	219,190	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
138	S.BOT NUTI GROWPLUS 3+T.CAN 900G	900gr	Hộp thiếc	232,090	232,090	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
139	S.BOT NUTI IQ BUOC 1 900G	900gr	Hộp thiếc	305,910	305,910	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
140	TPBS NUTI IQ 456 900G*1LON	900gr	Hộp thiếc	207,290	207,290	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
141	TPBS NUTI IQ 123 900G*1LON	900gr	Hộp thiếc	213,490	176,924	(36,566)	-17%	7/10/2014
142	S.BOT NUVITA H.VANI 400GR*1HOP	400gr	Hộp giấy	95,390	95,390	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
143	TPBS NUTI IQ4 400GR*1HOP	400gr	Hộp giấy	87,290	87,290	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
144	S.BOT NUTI NG.KEM 400GR*3GOI	400gr	3 Bịch giấy	201,190	201,190	-	0%	Áp dụng từ trước 01/06, không thay đổi giá
145	SUA GROW ADVANCE VANI HOP180ML*4	180ML	4 Hộp giấy	63,265	56,000	(7,265)	-11%	7/10/2014